

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trường Mầm non Hòa Bình

Chương: 622

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Năm 2024

(Quyết định số 142/QĐ-MNHB ngày 30/12/2024 của Trường mầm non Hòa Bình)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	66.000.000
1	Lệ phí	
2	Phí	66.000.000
	Học phí	66.000.000
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại	
1	Chi sự nghiệp	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
1	Lệ phí	
2	Phí	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	3.879.475.000
I	Nguồn ngân sách trong nước	3.879.475.000
1	Chi quản lý hành chính	3.879.475.000
11	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	3.676.813.000
12	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	202.662.000
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
21	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
22	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
23	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	

31	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
32	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
41	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
42	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
Số TT	Nội dung	Dự toán năm
1	2	3
5	Chi bảo đảm xã hội	
51	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
52	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
61	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
62	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
71	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
72	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
81	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
82	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
91	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
92	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
101	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
102	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
II	Nguồn vốn viện trợ	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	

4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	